

**TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ
HỘI ĐỒNG THI CÔNG CHỨC,
VIÊN CHỨC LẦN THỨ 4**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Quảng Trị, ngày 19 tháng 8 năm 2020

Số 1370- TB/HĐT

THÔNG BÁO

**kết quả thi vòng 2; thời gian, địa điểm nhận đơn phúc khảo vòng 2
kỳ thi tuyển công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc
và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện lần thứ 4**

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, ngày 29/11/2018 của Chính phủ, Thông tư số 03/2019/TT-BNV, ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ “sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập”, Kế hoạch số 142-KH/TU, ngày 07/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “tuyển dụng công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện lần thứ 4”, Hội đồng thi tuyển công chức, viên chức lần thứ 4 thông báo kết quả thi vòng 2; thời gian, địa điểm nhận đơn phúc khảo vòng 2 như sau:

1. Kết quả điểm thi vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành (tổ chức, dân vận, tuyên giáo, tổng hợp văn phòng cấp ủy, công đoàn, mặt trận, đoàn thanh niên, kế toán, văn thư - lưu trữ - thủ quỹ, công nghệ thông tin) được đăng tải kèm theo Thông báo này tại địa chỉ: <http://www.tinhuyquangtri.vn>.

2. Thời gian, địa điểm nhận đơn phúc khảo và lệ phí phúc khảo

- Thí sinh căn cứ kết quả điểm thi vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành nêu trên, nếu có nguyện vọng phúc khảo thì làm đơn (theo mẫu đơn phúc khảo ban hành kèm theo Thông báo này) gửi về Hội đồng thi tuyển công chức, viên chức lần thứ 4, tại địa chỉ: **Ban Tổ chức Tỉnh ủy, số 30 Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.**

- Thời gian nhận đơn: Kể từ ngày 20/8/2020 đến hết ngày 03/9/2020 (trong giờ hành chính).

- Lệ phí phúc khảo: 150.000đồng/01 bài thi của một môn (theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính).

3. Không phúc khảo đối với đơn đề nghị phúc khảo nhận được sau thời hạn quy định nêu trên (đối với đơn gửi theo đường bưu điện tính ngày gửi đơn theo dấu bưu điện trên phong bì đơn); không phúc khảo đối với các đơn đề nghị phúc khảo gửi bằng Thư điện tử, Fax, Telex.

Hội đồng thi tuyển công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện lần thứ 4 thông báo để các cơ quan, đơn vị có liên quan và thí sinh biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (B/c),
- Thành viên Hội đồng thi,
- Các địa phương, cơ quan, đơn vị có thí sinh tham gia dự tuyển,
- Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị,
- Lưu Văn thư.

(TB điểm thi vòng 2 và phúc khảo vòng 2 8.2020)

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY
kiêm
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Phan Văn Phụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN PHÚC KHẢO VÒNG 2
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
(theo hình thức thi viết trên giấy)

Kính gửi: Hội đồng thi tuyển công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận
 Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện lần thứ 4

Tên tôi là: Nam, nữ:

Ngày sinh:

Thường trú:

Điện thoại liên lạc:

Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển:

.....

Số báo danh:

Theo Thông báo số.....TB/HĐT ngày...../8/2020 của Hội đồng thi tuyển
 công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã
 hội cấp tỉnh, cấp huyện lần thứ 4, kết quả điểm thi vòng 2 của tôi thi vào chuyên
 ngành....., đạt số điểm thi.....điểm.

Với kết quả điểm thi nêu trên, tôi làm đơn đề nghị Hội đồng thi tuyển công
 chức, viên chức lần thứ 4 xem xét và chấm phúc khảo bài thi môn nghiệp vụ chuyên
 ngành.....cho cá nhân tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

Đông Hà, ngày tháng 8 năm 2020

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Quảng Trị, ngày 19 tháng 8 năm 2020

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 2

**kỳ thi tuyển công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội
cấp tỉnh, cấp huyện lần thứ 4**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
I	CHUYÊN NGÀNH TỔ CHỨC								
1	07	Nguyễn Tăng Cảnh	24/7/1992	Chuyên viên Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	50			50.00	
2	14	Nguyễn Thị Thùy Dương	09/09/1993	Chuyên viên Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	32			32.00	
3	33	Trần Thị Kim Liên	22/5/1992	Chuyên viên Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	25.5	2.5		28.00	
4	37	Trần Hồng Lĩnh	20/5/1987	Chuyên viên Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	50	5		55.00	
5	57	Phan Thị Ngọc Phương	25/8/1993	Chuyên viên Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	57	5		62.00	
6	88	Nguyễn Bảo Viên	19/5/1990	Chuyên viên Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	33			33.00	
7	16	Lê Đông Giang	08/03/1991	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Đakrông	38.5	5		43.50	
8	64	Nguyễn Thị Thắm	01/08/1989	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Đakrông	28	5		33.00	

[Signature]

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
II CHUYÊN NGÀNH DÂN VẬN									
1	44	Nguyễn Quỳnh Nga	03/07/1991	Chuyên viên Ban Dân vận Huyện ủy Cam Lộ	44			44.00	
2	13	Nguyễn Kiều Dũng	21/7/1993	Chuyên viên Ban Dân vận Huyện ủy Đakrông	62.25			62.25	
3	76	Hồ Anh Tiến	18/4/1993	Chuyên viên Ban Dân vận Huyện ủy Đakrông	61.5	5		66.50	
III CHUYÊN NGÀNH TUYÊN GIÁO									
1	34	Nguyễn Thị Mỹ Linh	27/02/1984	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Cam Lộ	57.5	5		62.50	
2	58	Trần Thị Hoài Phương	29/4/1994	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Cam Lộ	53.25			53.25	
IV CHUYÊN NGÀNH TỔNG HỢP VĂN PHÒNG CẤP ỦY									
1	02	Nguyễn Tuấn Anh	20/01/1990	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	34.5			34.50	
2	19	Nguyễn Thị Minh Hà	15/5/1991	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	62.75			62.75	
3	24	Võ Thị Lệ Hòa	14/12/1992	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	30			30.00	
4	29	Đặng Thị Huyền	30/3/1993	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	30.75	5		35.75	
5	35	Đỗ Hoàng Thùy Linh	15/6/1996	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	40.25			40.25	
6	51	Hồ Thị Tuyết Nhung	30/10/1988	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	23.5			23.50	
7	62	Cao Thanh Sơn	04/03/1991	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	63.5			63.50	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú	
8	65	Phạm Thị Hải	Thành	12/04/1991	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	51	5	25.5	30.50	
9	93	Lê Thị	Yên	10/08/1990	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	58.75			58.75	
10	08	Trần Thị Minh	Châu	11/03/1993	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy Đông Hà	45.25	5		50.25	
11	47	Đoàn Thị Hiếu	Nhã	07/02/1993	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy Đông Hà	15.5			15.50	
12	52	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	16/6/1987	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy Đông Hà	50			50.00	
13	72	Phan Thị	Thư	01/06/1991	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy Đông Hà	49.25			49.25	
14	86	Đặng Thị Khánh	Vân	21/6/1993	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy Đông Hà				0.00	Bỏ thi
15	22	Nguyễn Thị Dịu	Hiền	20/6/1991	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Đakrông	69.5			69.50	
16	49	Hồ Thị Yến	Nhi	10/09/1996	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Đakrông				0.00	Bỏ thi
17	73	Nguyễn Thị	Thương	01/11/1987	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Đakrông	42.92	2.5		45.42	
18	21	Nguyễn Lệ	Hằng	11/02/1989	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Hướng Hóa	68			68.00	
19	80	Nguyễn Thị Thanh	Tú	17/9/1997	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Hướng Hóa				0.00	Bỏ thi
20	83	Nguyễn Thanh	Tùng	20/01/1988	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Hướng Hóa	71			71.00	
V	CHUYÊN NGÀNH CÔNG ĐOÀN									
1	09	Phan Kim	Chi	11/02/1996	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	38			38.00	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
2	12	Trần Thị Mỹ Diễm	08/07/1996	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	51			51.00	
3	15	Trần Thị Duyên	01/06/1991	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	7			7.00	
4	40	Đào Thị Lý	01/01/1993	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh				0.00	Bỏ thi
5	42	Nguyễn Thị Na	04/03/1992	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	43	5		48.00	
6	45	Diệp Thị Thúy Nga	01/07/1991	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	26			26.00	
7	46	Phan Thị Thu Nguyên	06/06/1993	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	24.5	5		29.50	
8	71	Hồ Thị Xuân Thịnh	26/03/1997	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	38.5			38.50	
9	77	Hồ Thị Mai Trang	24/7/1993	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	21			21.00	
10	78	Nguyễn Thị Đoan Trang	23/9/1994	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	41.5			41.50	
11	90	Hoàng Vũ	19/7/1997	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh				0.00	Bỏ thi
12	75	Lê Thị Thủy Tiên	04/11/1991	Chuyên viên LĐLĐ huyện Hải Lăng	54			54.00	
13	30	Trương Thị Mỹ Lanh	10/10/1992	Chuyên viên LĐLĐ huyện Hải Lăng	61.5			61.50	
VI CHUYÊN NGÀNH MTTQ									
1	01	Phạm Thị Tiên An	07/08/1994	Chuyên viên UBMTTQVN huyện Cam Lộ	65			65.00	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
2	31	Nguyễn Thị Lệ	25/02/1994	Chuyên viên UBMTTQVN huyện Cam Lộ	55	5		60.00	
3	56	Nguyễn Hữu Phước	15/6/1991	Chuyên viên UBMTTQVN huyện Cam Lộ	30			30.00	
4	61	Nguyễn Thị Như Quỳnh	26/7/1988	Chuyên viên UBMTTQVN huyện Cam Lộ	50			50.00	
VII CHUYÊN NGÀNH ĐOÀN THANH NIÊN									
1	06	Nguyễn Trần Vi Ba	02/11/1997	Chuyên viên Ban Phong trào thanh niên, Tỉnh đoàn	53.5			53.50	
2	32	Võ Thị Như Lệ	15/8/1996	Chuyên viên Ban Phong trào thanh niên, Tỉnh đoàn	21	5		26.00	
3	43	Trương Thị Năm	09/10/1997	Chuyên viên Ban Phong trào thanh niên, Tỉnh đoàn	43.05			43.05	
4	79	Lê Thị Tố Trinh	28/9/1996	Chuyên viên Ban Phong trào thanh niên, Tỉnh đoàn	88			88.00	
5	87	Phạm Thị Hà Vi	18/8/1995	Chuyên viên Ban Phong trào thanh niên, Tỉnh đoàn	69			69.00	
6	91	Hoàng Thị Hà Vy	06/07/1997	Chuyên viên Ban Phong trào thanh niên, Tỉnh đoàn	63			63.00	
7	27	Nguyễn Thị Lan Hương	12/10/1997	Chuyên viên Ban Thanh thiếu nhi, trường học, Tỉnh đoàn	20			20.00	
8	82	Lê Anh Tuấn	25/9/1996	Chuyên viên Ban Thanh thiếu nhi, trường học, Tỉnh đoàn	65.5			65.50	
9	69	Hồ Phú Thiện	14/01/1997	Chuyên viên Ban Xây dựng Đoàn, Tỉnh đoàn	66			66.00	
10	92	Nguyễn Thị Lập Xuân	04/02/1996	Chuyên viên Ban Xây dựng Đoàn, Tỉnh đoàn	75			75.00	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
11	28	Hoàng Minh Hữu	20/8/1997	Chuyên viên Thành đoàn Đông Hà	33.75			33.75	
12	50	Lê Chí Nhuận	25/6/1994	Chuyên viên Thành đoàn Đông Hà	51			51.00	
13	11	Đường Gia Công	04/03/1993	Chuyên viên Thị đoàn Quảng Trị	70.5	5		75.50	
14	03	Nguyễn Đức Tú Anh	14/7/1995	Chuyên viên Huyện đoàn Vĩnh Linh	61.5			61.50	
15	23	Nguyễn Thị Thu Hiền	04/02/1997	Chuyên viên Huyện đoàn Gio Linh	75.5			75.50	
16	38	Nguyễn Thị Loan	25/3/1994	Chuyên viên Huyện đoàn Gio Linh	85	5		90.00	
17	53	Trần Thị Tuyết Nhung	26/3/1996	Chuyên viên Huyện đoàn Gio Linh	76			76.00	
18	89	Lê Thị Ngọc Viễn	15/02/1995	Chuyên viên Huyện đoàn Gio Linh	50			50.00	
19	55	Trần Thị Diễm Phúc	21/02/1995	Chuyên viên Huyện đoàn Triệu Phong	74.5			74.50	
20	59	Trần Thị Ngọc Phương	19/9/1996	Chuyên viên Huyện đoàn Triệu Phong				0.00	Bỏ thi
21	66	Nguyễn Thị Thu Thảo	16/6/1997	Chuyên viên Huyện đoàn Triệu Phong	83	5		88.00	
22	54	Trần Thị Kiều Oanh	06/01/1994	Chuyên viên Huyện đoàn Hải Lăng	73			73.00	
23	70	Văn Viết Diệu Thiện	14/8/1997	Chuyên viên Huyện đoàn Hải Lăng	42			42.00	
24	84	Cái Thị Cát Tường	15/02/1997	Chuyên viên Huyện đoàn Hải Lăng				0.00	Bỏ thi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
25	17	Lê Hoàng Giang	29/5/1997	Chuyên viên Huyện đoàn Cam Lộ	50			50.00	
26	36	Hoàng Thị Diệu Linh	02/01/1997	Chuyên viên Huyện đoàn Cam Lộ	81			81.00	
27	60	Nguyễn Thị Thúy Phương	25/4/1995	Chuyên viên Huyện đoàn Cam Lộ	34			34.00	
28	67	Phạm Phương Thảo Thảo	02/05/1995	Chuyên viên Huyện đoàn Đakrông	62			62.00	
VIII CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN									
1	04	Nguyễn Công Nữ Quỳnh Anh	19/3/1997	Kế toán Báo Quảng Trị	33			33.00	
2	05	Trần Thị Ánh	09/05/1993	Kế toán Báo Quảng Trị	76			76.00	
3	10	Nguyễn Thành Chuyên	01/01/1997	Kế toán Báo Quảng Trị				0.00	Bỏ thi
4	39	Nguyễn Xuân Lộc	02/08/1985	Kế toán Báo Quảng Trị	36			36.00	
5	85	Nguyễn Thị Uyên	20/3/1993	Kế toán Báo Quảng Trị	29			29.00	
6	18	Nguyễn Linh Giang	02/04/1991	Kế toán cơ quan Huyện ủy Vĩnh Linh	25			25.00	
7	68	Hoàng Lê Phương Thảo	27/3/1993	Kế toán cơ quan Huyện ủy Vĩnh Linh	76			76.00	
8	74	Trần Thị Thu Thủy	23/9/1991	Kế toán cơ quan Huyện ủy Vĩnh Linh	42			42.00	
9	41	Vũ Thị Mai	05/12/1989	Kế toán Trung tâm BDCT huyện Hướng Hóa	80			80.00	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
10	48	Trần Thụy Minh Nhật	20/9/1992	Kế toán Trung tâm BDCT huyện Hướng Hóa	25			25.00	
IX	CHUYÊN NGÀNH VĂN THƯ, LƯU TRỮ, THỦ QUỸ								
1	20	Hồ Thị Thu Hà	22/02/1993	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ, Trường Chính trị Lê Duẩn	56.75			56.75	
2	63	Hoàng Kim Thanh Tâm	25/6/1988	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ, Trường Chính trị Lê Duẩn	71.25			71.25	
3	26	Ngô Thị Hoài	29/8/1988	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ kiêm tạp vụ cơ quan Huyện ủy Gio Linh	71.22			71.22	
X	CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN								
1	25	Hoàng Dương Hòa	16/5/1990	Chuyên viên Công nghệ thông tin, Văn phòng Tỉnh ủy	38	5		43.00	
2	81	Bùi Ngọc Tú	21/01/1988	Chuyên viên Công nghệ thông tin, Văn phòng Tỉnh ủy	69			69.00	

PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY

kiêm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI



Nguyễn Đăng Quang